

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2022/HS-PT

Ngày 25 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 1094/2021/TLPT-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) phạm tội “Giết người”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và bị cáo Trần Xuân H phạm tội “Che giấu tội phạm” do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Bùi Xuân Đ** (tên gọi khác: Bùi Xuân Đ1); Sinh năm 1987; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ 09, phường T1, thành phố T, tỉnh T; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Xuân Đ2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 03/2010/HSPT ngày 27/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 3 năm 8 tháng 20 ngày, kể từ ngày 27/01/2010 về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2020, ngày 28/11/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1):* Ông Nguyễn

Ngọc T2 và ông Lê Tiên D – Luật sư Công ty Luật TNHH T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Xuân H**; Sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Xuân P và bà Lại Thị Đ3; Vợ: Phạm Ngọc H1, có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H*: Ông Phạm Huy H2 – Luật sư Văn phòng luật sư H3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại Bùi Huy H4 không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 23/11/2020, anh Lê Văn M là phụ xe của nhà xe P1 biển số 17F-000.16 từ bến xe G, H5 về T đang đi bộ tìm đón khách tại khu vực cổng bến xe G, H5 thì gặp bị cáo Bùi Xuân Đ cũng đang đi bộ tìm đón khách về T cho xe ô tô 29 chỗ biển số 17B-001.43 của nhà xe Đ4 do bị cáo Trần Xuân H điều khiển đang ở trong bến xe G. Bị cáo Đ và anh M có lời qua tiếng lại với nhau vì Đ cho rằng xe của anh M đã hết giờ đón khách tại bến xe G. Trên đường về T, anh M điện thoại cho Đ nói: Thích thì tý về T gặp nhau giải quyết. Đ nói lại cho H biết về nội dung Đ và anh M mâu thuẫn nhau. Khi H điều khiển xe chở Đ cùng với hành khách về đến thành phố T, Đ nói với H: cho em qua nhà lấy ít đồ, nên H dừng xe trước cửa nhà Đ ở đường H6, tổ 9, phường T1, thành phố T. Đ mở cửa nhà rồi lên phòng ngủ của mình ở tầng hai, lấy 01 chiếc túi màu xanh, bên trong túi đựng 01 khẩu súng và 03 viên đạn (loại súng tự chế bắn đạn ghém). Khi đi ra, thấy H đã chuyển sang ngồi bên ghế phụ nên Đ ngồi vào ghế lái, để chiếc túi bên cạnh Đ rồi điều khiển xe cùng H trả khách về khu vực huyện T4. Khi đến ngã ba Ô, thị trấn T4 thì xe của Đ và H trả hết khách. Đ lại chuyển sang ngồi bên ghế phụ để H điều khiển xe quay về thành phố T. Trên đường về đến khu vực chợ T5, thị trấn K1, huyện K1, cách Trạm thu phí khoảng 01 km, Đ nhận được điện thoại của anh M hẹn gặp ở Trạm thu phí BOT tại thôn Đ5, xã B, huyện K1, tỉnh T. Đ nói với H: chúng nó hẹn gặp ở Trạm thu phí, lát nếu có một thằng thì để em xuống nói chuyện, nếu đông anh cứ đóng chặt cửa xe lại, rồi Đ lấy súng khỏi túi, lắp 01 viên đạn thì H nhìn thấy và hỏi: “súng à”. Đ nói: “ừ” và để chiếc súng đã lắp đạn xuống khu vực để chân ghế phụ trước mặt. Về phía anh M, sau khi hẹn gặp Đ ở Trạm thu phí K1, anh M gọi điện qua ứng dụng Messenger cho em họ là Bùi Huy H4. Anh M nói với H4: tý mày qua xem xe Đ4 ở Trạm thu phí không, nếu có điện lại cho anh. Lúc này anh H4 đang

ở quán nhà anh H4 ở tổ dân phố C, thị trấn K1, huyện K1 cùng với bạn là Bùi Quang T6, Vũ Văn T7 và Phạm Việt T8. H4 rủ T6, T7 và T8 cùng đi đến Trạm thu phí. H4 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển số 17A-093.73 của H4, còn T7 ngồi ghế phụ, T6 và T8 ngồi hàng ghế sau. Khi đi qua trạm thu phí thì H4 quay đầu xe về hướng huyện T4 rồi dừng xe chờ.

- Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, xe ô tô của H và Đ đi vào làn ngoài cùng bên pH chiều K1 - thành phố T (làn số 4), khi vừa đi qua cần chắn barie của trạm thu phí thì anh H4 điều khiển xe ô tô đi ngược chiều, dừng xe phía trước đầu xe của H nên H pH dừng xe. Anh H4 và anh T7 xuống xe, sau đó T6 cũng mở cửa xe đi xuống. Anh H4 đi đến khu vực đầu xe bên ghế phụ xe của H, hơi chệch về bên pH, quay mặt về phía Đ, còn anh T7 đi đến khu vực đầu xe bên ghế lái xe của H, anh T6 đứng cạnh cửa xe ô tô của anh H4. Anh H4 nói: chúng mày xuống xe. Đ đẩy cửa kính bên ghế phụ về phía trước, cầm súng ở tay thuận là tay pH, thò súng qua cửa, ngón cái cầm kéo búa súng, ngón trỏ đặt ở vị trí cò, hướng nòng súng về phía anh H4 nổ súng. Anh H4 bị đạn bắn trúng người, dùng tay ôm vai trái lùi lại về phía xe của mình và đi ra khu vực lề đường ngồi. H điều khiển xe ô tô lùi lại làm gãy cần chắn barie ở làn số 04 rồi vòng sang làn số 03 đi về hướng thành phố T. Trên đường đi, Đ cất súng vào túi, H hỏi Đ: liệu có thằng nào dính không, Đ nói: *“khả năng có một thằng bị”*. H điều khiển xe về bãi gửi xe đối diện T9, thuộc địa phận xã V1, thành phố T và gửi xe ở đó như mọi khi. Đ bảo H chở sang phường H7 nên H gọi điện cho bố là ông Trần Xuân P, sinh năm 1962 trú tại thôn K, xã V, thành phố T nhờ ông P mang xe máy ra cho H. Ông P đi xe máy nhãn hiệu Jupiter biển số 17B1-104.84 ra bãi gửi xe để H chở ông P về nhà, sau đó H quay lại bãi gửi xe chở Đ cầm theo chiếc túi đựng súng. Trên đường đi về phường H7, Đ gọi điện cho anh Đào Xuân T6 hỏi anh T6 đang ở đâu thì anh T6 nói đang gần khu vực vòng xuyên đường V2 gần tượng đài B1, phường H7, thành phố T. Đ bảo H chở đến khu vực vòng xuyên trên thì nhìn thấy anh T6 đang đi bộ nên bảo H dừng xe rồi Đ đi bộ sang bên kia đường gặp anh T6. Đ đưa cho anh T6 chiếc túi nói; cầm hộ em ít hôm, Đ không nói gì thêm và anh T6 cũng không hỏi, không kiểm tra bên trong túi. Sau đó Đ đi ra chỗ H đợi bảo H đi về để Đ đi lánh ít hôm nên H đã đi xe máy về, còn Đ gọi xe taxi đi H8. Trên đường đi Đ gọi điện cho anh H9 ở trọ tại thành phố Hà Nội. Đ nói với anh H9 là đang cãi nhau với gia đình, muốn ở nhờ chỗ anh H9 vài hôm. Anh H9 đồng ý nên Đ đã đến khu vực bãi xe đường N và anh H9 đã đón Đ đến chỗ ở trọ của anh H9, không nói gì cho anh H9 biết sự việc, đến chiều 25/11/2020, Đ về Công an tỉnh T đầu thú.

Về phía anh H4, ngay sau khi bị trúng đạn đã được anh T8 và anh T9 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện K1, sau đó chuyển Bệnh viện đa khoa tỉnh T và cùng ngày chuyển Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Hà Nội điều trị. Hiện tại đang trong giai đoạn chờ can thiệp phẫu thuật lấy đạn, Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Bùi Huy H4, Biên bản làm việc ngày 24/11/2020 tại Bệnh viện Hữu nghị V3 xác định: anh H4 nhập viện hồi 22 giờ 30 phút ngày

23/11/2020, vùng vai, cổ, ngực trái có nhiều vết thương nhỏ, được sơ cứu, chụp X-quang, kết quả: tràn khí, tràn máu phổi trái do đạn bắn, dị vật sát tim và các mạch máu lớn được phẫu thuật dẫn lưu màng phổi trái. Tài liệu trích sao bệnh án của anh Bùi Huy H4 thể hiện: tràn máu, tràn khí màng phổi trái, vết thương hỏa khí vùng cổ ngực. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28/21/TCT ngày 02/02/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế T đối với anh Bùi Huy H4 kết luận: thương tích vùng cổ - ngực - vai - cánh tay bên trái do hỏa khí (đạn bắn) làm rách da, tổ chức dưới da, làm tràn dịch, tràn khí màng phổi trái. Đã được xử trí: dẫn lưu màng phổi trái, truyền dịch, thuốc. Hiện tại vùng ngực vùng bả vai - vùng cánh tay trái còn đau nhức, buốt. Bùi Huy H4 hiện tại chưa can thiệp phẫu thuật lấy mảnh kim khí nên chưa đánh giá được các ảnh hưởng khác do thương tích gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 38% (ba mươi tám phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015: xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Buộc bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Xuân H 04 (bốn) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2021, bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/11/2021, bị cáo Trần Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T kháng nghị với nội dung đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) và xử bị cáo Trần Xuân H về tội “Giết người”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo đều thừa nhận tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, về hành vi bị cáo Đ dùng súng tự chế bắn anh H4, các bị cáo đều thống nhất khai: Bị cáo H có nghe Đ kể và biết mâu thuẫn giữa Đ và anh M, biết việc anh M và Đ hẹn gặp nhau ở Trạm thu phí, có nhìn thấy Đ lắp đạn vào súng, có điều khiển xe chở Đ đi vào Trạm thu phí, các bị cáo không có sự bàn bạc gì về việc Đ dùng súng bắn anh H4. Bị cáo Đ cũng thừa nhận giữa bị cáo và bị cáo H không có bàn bạc và thực tế H cũng không giúp sức gì cho Đ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Đối với bị cáo Bùi Xuân Đ: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thấy tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ 12 năm về tội “Giết người” và 2 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 12 năm về tội “Giết người” là đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy Kiểm sát viên rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T về phần đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Đ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ y toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Bùi Xuân Đ .

Đối với bị cáo Trần Xuân H : Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Xuân H 04 năm tù về tội “Che giấu tội phạm” là không đúng với hành vi của bị cáo, bởi trong vụ án này H biết Đ có mâu thuẫn, gần đến khu vực BOT K1 thì H biết Đ có súng nhưng không cáo ngăn và sau khi Đ bắn thì chờ Đ đi khỏi hiện trường, sau đó Đ bỏ trốn là có đủ cơ sở kết luận H đồng phạm với Đ trong việc giết người nên giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T về đề nghị thay đổi tội danh đối với bị cáo Trần Xuân H từ tội “Che giấu tội phạm” sang tội “Giết người” đồng thời không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Quan điểm bào chữa của các luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Xuân Đ: Nhất trí với về tội danh đối với bị cáo Đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” vì trong vụ việc này xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo Đ và anh M, anh H4 là em của anh M mặc dù không có mâu thuẫn với Đ, không biết Đ nhưng khi được Mạnh nhờ đã chặn đường và đe dọa bị cáo Đ, lo sợ bị nhóm của Mạnh đánh nên bị cáo Đ bắn anh H4. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ T6 độ ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 150 triệu đồng, hành vi của bị cáo Đ chỉ bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 54, Điều 57 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ để bị cáo yên tâm cải tạo.

Bị cáo Đ đồng ý với quan điểm của các luật sư bào chữa cho mình, không bổ sung gì.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Xuân H phạm tội “Che giấu tội phạm” là đúng vì trong quá trình bị cáo Đ sử dụng súng bắn anh H4, bị cáo H không có hành vi gì thể hiện sự tiếp nhận và thống nhất ý chí với hành vi phạm tội của Đ. Bị cáo H chỉ làm công việc lái xe của mình trên tuyến vận chuyển hàng ngày, mặc dù bị cáo biết Đ và Mạnh có mâu thuẫn, biết việc Đ có súng nhưng khi Đ rút súng lên đạn thì xe đã vào khu vực trạm BOT 39 nên không kịp can ngăn và bị cáo H cũng không thể biết súng đó là thật hay giả? Đ sẽ bắn hay chỉ dọa? sau khi Đ nổ súng vì sợ bị đánh và nể Đ nên H đã lái xe cùng Đ đi khỏi hiện trường.

Hành vi nêu trên của Đ không đủ căn cứ để xác định H đồng phạm với bị

cáo Đ về tội “Giết người” như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T và lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội “Che giấu tội phạm” như tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

Về kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận vì bị cáo có nhân thân tốt, sự việc diễn ra quá nhanh, các bị cáo là đồng nghiệp với nhau nên có chút nể nang, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bỏ đi, hai con còn nhỏ, quá trình khai báo bị cáo luôn thành khẩn, ăn năn hối hận về việc mình đã làm.

Bị cáo H đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa cho mình, không bổ sung gì.

Quan điểm đối đáp của Đại diện Viện kiểm sát: Không nhất trí với đề nghị của các luật sư về đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123 đối với bị cáo Đ vì bị cáo Đ chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, mới bị chặn xe nhưng đã ngay lập tức sử dụng súng bắn anh H4, hành vi có thể gây nguy hiểm cho nhiều người, thể hiện tính côn đồ. Đối với bị cáo Trần Xuân H phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 như kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T mới đúng. Do đó giữ nguyên quan điểm như đã kết luận.

Lời nói sau cùng, cả hai bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đối với bị cáo và tiến hành các thủ tục tố tụng khác trong vụ án, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Xuân Đ:

Đối với hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Bùi Xuân Đ: Năm 2018, khi thuê nhà trọ tại phường T1, bị cáo Đ nhặt được 01 khẩu súng nhưng bị cáo không giao nộp cho các cơ quan chức năng mà bị cáo mang về cất giấu tại nơi ở của mình khẩu súng tự chế đó và đã sử dụng khẩu súng này bắn gây thương tích cho anh Bùi Huy H4 vào ngày 23/11/2020, khẩu súng này đã được cơ quan điều tra thu giữ. Kết luận giám định số 8881/C09-P3 ngày 15/12/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện: “*Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng*”.

Đối với hành vi giết người của Bùi Xuân Đ: Do bị cáo Đ và anh M đã phát sinh mâu thuẫn ở Hà Nội, Mạnh đã gọi cho Hoàng sau đó Hoàng chặn xe của Đ thì bị Đ dùng súng tự chế bắn vào người anh H4, hậu quả làm anh H4 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 38%.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Buộc bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Xuân Đ, Hội đồng xét xử thấy như sau: Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người khác nhưng vẫn thực hiện, sau khi thực hiện hành vi đã bỏ trốn khỏi hiện trường, việc bị hại không chết là do khách quan. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật, bị cáo đã chuẩn bị vũ khí, khi mới bị chặn xe đã ngay lập tức sử dụng súng tấn công người bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của anh Bùi Huy H4 và vi phạm quy định của Nhà nước về sản xuất, quản lý vũ khí quân dụng, xâm phạm an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Mức hình phạt 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên cần pH xác định lại trong vụ án này anh Bùi Huy H4 cũng có một phần lỗi đó là đi ngược chiều vào làn thu phí, vô có lái xe chặn đầu xe của bị cáo, đây chính là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả chết người chưa xảy ra, anh H4 bị tổn thương cơ thể 38%, ngày 25/11/2020 bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan Công an đầu thú, trong quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo có T6 độ thành khẩn, ân hận về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Hơn nữa trong vụ án này người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào hậu quả của vụ án, đường lối xử lý đối người phạm tội ra đầu thú, có ý thức khắc phục hậu quả, về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ già sức khỏe không được tốt, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo cũng đã nộp khoản tiền án phí sơ thẩm. Từ những phân tích nêu trên, mặc dù kiểm sát viên đã rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Đ, nhưng Hội đồng xét xử vẫn xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân H: Khi xe 17B-000.13 đi đến khu vực đường cao tốc Liêm Tuyền, Đ nói với H là có mâu thuẫn với Mạnh trong việc bắt khách nên Mạnh hẹn gặp ở K1, H nói *“Thì cứ về K1 xem chúng nó gặp như thế nào?”* và không trao đổi gì nữa. Sau đó bị cáo Đ chủ động về nhà lấy và mang súng lên xe, bị cáo H không biết việc này thể hiện tại bút lục số 392, 393, 394, 395 Đ khai *“Việc bị cáo cầm súng lên xe ô tô thì H không biết gì”...* *“Khi H lái xe qua nhà tôi ở 64 H6, phường T1, thành phố T thì bị cáo bảo H chờ ở ngoài và bảo vào lấy ít đồ, tôi không nói là vào lấy gì cả, tôi có vào nhà và lấy 01 khẩu súng và 03 viên đạn để ở túi màu xanh có dây đeo màu đen, tôi lên xe ô tô để thay H lái xe và có để túi đựng súng cùng 3 viên đạn ở bên cạnh ghế lái, còn H ngồi ghế phụ”*. Trong suốt quá trình đi từ T4 đến khu vực trạm

BOT 39 K1, bị cáo H và Đ không trao đổi bàn bàn gì với nhau nên H không biết được Đ sẽ giải quyết mâu thuẫn với Mạnh như thế nào. Chỉ khi đến khu vực BOT thì H mới biết Đ có súng và hỏi “súng à?” thì Đ trả lời “ừ”. Trong vụ án này, bị cáo H không có lời nói hay hành động gì kích động, dụ dỗ, thúc đẩy, xúi giục, cổ vũ, tạo điều kiện tinh thần cho việc Đ sử dụng súng. Lời khai ngày 16/6/2021 của Đ tại bút lục số 390, 391 thể hiện: *“Khi đi qua chợ K1 (TT T5) thì bị cáo mới bỏ súng ra, sau lắp đạn để phòng thân”; “Khi bị cáo bỏ súng ra là lần đầu bị cáo cho H xem khẩu súng đó”; “Khi bị cáo bỏ súng ra khỏi túi thì H mới hỏi là “súng à”, còn H lúc đầu không biết là vật gì”; “Khi đến chợ T5, TT K1 thì bị cáo mới bỏ súng ra và lắp đạn. Do xe chạy với tốc độ 60km/giờ nên khi H quay sang hỏi “súng à” thì xe ô tô đã đi gần đến Trạm BOT K1. Khi H hỏi bị cáo “Súng à” bị cáo chỉ trả lời “Ừ” còn H có nghe thấy không thì bị cáo không rõ”; “Việc Mạnh hẹn bị cáo ở trạm BOT bị cáo không biết H có biết không, bị cáo không bàn bạc gì với H về việc hẹn Mạnh và bắn súng”. Lời khai của bị cáo Đ phù hợp với lời khai của bị cáo H được thể hiện tại bút lục số 402, 403: “Bị cáo thấy Đ dùng một vật giống súng và đang lắp một vật giống đạn vào thì bị cáo mới quay sang hỏi Đ là “súng à” và Đ trả lời là “Ừ”. Khi Đ trả lời xong thì bị cáo vẫn nghĩ là súng giả (do bị cáo chưa thấy Đ có súng bao giờ, và Đ chưa từng kể với bị cáo là Đ có súng). Khi Đ trả lời là “Ừ” thì xe ô tô đã đi đến barie của BOT và đi qua trạm BOT. Khi Đ dùng vật giống súng bắn và phát ra tiếng nổ thì khi đó bị cáo mới nghĩ vật mà Đ cầm là súng thật. Còn lúc thấy Đ cầm vật giống súng thì bị cáo vẫn nghĩ là súng giả để dọa”. Khi xe qua Barie của trạm BOT 39 thì bị xe của Hoàng chặn đầu và người trong xe của Hoàng tiến về phía xe của H, yêu cầu H và Đ xuống xe, Đ đã tự mở cửa kính phụ và dùng súng bắn Hoàng. Do đó, không có cơ sở xác định bị cáo H tiếp nhận ý chí với Đ trong việc Đ sẽ thực hiện hành vi giết người. Bị cáo H cũng khai tại bút lục số 402, 403: “Bị cáo và Đ không có bàn bạc gì với bị cáo về việc bắn súng ở Trạm BOT K1 và bị cáo cũng không biết trước việc Đ bắn súng ở trạm BOT”. Khi được cơ quan điều tra hỏi khi Đ bắn súng, H có hành động gì không, H trả lời “bị cáo không có hành động gì chỉ ngồi lái xe. Khi Đ bắn súng xong thì Đ bảo “lùi lại lái xe sang làn bên cạnh” thì bị cáo lái xe sang làn để đi về thành phố T với mục đích không bị ai phá xe hay đánh, xảy ra xô xát tiếp” (BL 402, 403).*

Trên thực tế tuyến đường từ thị trấn T4 qua trạm BOT 39 K1 về thành phố T mà H chở Đ vào chiều tối ngày 23/11/2020 là tuyến đường hàng ngày các bị cáo đón trả khách và về gửi xe tại bãi gửi xe theo tuyến cố định. Khoảng cách về thời gian và không gian từ khi H biết Đ có súng đến khi Đ bắn là rất gần nhau nên H không kịp can ngăn Đ phạm tội, H không thực hiện hành vi gì giúp sức cho Đ trong việc Đ dùng súng giải quyết mâu thuẫn. Hơn nữa khi xe qua Barie của trạm BOT 39 thì xe của bị cáo bị xe của Hoàng chặn đầu chứ không phải bị cáo H lái xe đuổi theo xe của Hoàng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh T đã yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh việc

tiếp nhận và thống nhất ý chí giữa H và Đ trong việc dùng súng bắn anh H4 nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc H có trao đổi, hứa hẹn, biết trước hoặc đồng ý với việc bị cáo Bùi Xuân Đ thực hiện hành vi sử dụng súng gây nguy hiểm đến tính mạng cho người khác, không chứng minh được vai trò và hành vi cụ thể của bị cáo H trong việc đồng phạm về tội “Giết người” với bị cáo Đ như thế nào. Do đó, không có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Trần Xuân H đồng phạm với bị cáo Bùi Xuân Đ về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 như Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T. Mặc dù H không có hành vi cụ thể thể hiện việc tiếp nhận và thống nhất ý chí với Đ trong việc Đ sử dụng súng bắn anh H4 nhưng sau khi Đ phạm tội thì H đã điều khiển xe ô tô theo chỉ đạo của Đ rời khỏi hiện trường, khi về đến thành phố T thì tiếp tục dùng xe máy của gia đình chở Đ đến khu vực vòng xuyên đường V2, phường H7, thành phố T để Đ gửi súng và bỏ trốn. Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là không đúng pháp luật, nhưng do nể nang bị cáo Đ nên đã không chủ động trình báo với các cơ quan có thẩm quyền khi sự việc xảy ra và tạo điều kiện cho bị cáo Đ bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Xuân H đã phạm vào tội “*Che giấu tội phạm*” được quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Xuân H, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là một người có hiểu biết pháp luật, là người trực tiếp chứng kiến và biết rõ nhất về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Xuân Đ, đứng ra bị cáo PH trình báo ngay sự việc trên cho cơ quan pháp luật, nhưng bị cáo đã không thực hiện việc đó mà còn tạo điều kiện cho bị cáo Đ bỏ trốn, dùng xe máy của gia đình chở Đ đi gửi súng và bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm. Trước khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 4 năm tù là đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích đánh giá như đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T xử bị cáo Trần Xuân H từ tội “Che giấu tội phạm” sang tội “Giết người” đồng thời không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Xuân H.

[6] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Xuân H PH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) không PH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1). Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân H. Không chấp nhận kháng nghị số 13/QĐKN-VKSTB ngày 02/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đối với bị cáo Trần Xuân H.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Điều 54, Điều 57 Bộ luật Hình sự 2015: xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Buộc bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 25/11/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Xuân H 04 (bốn) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Xuân H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xác nhận các bị cáo Xuân H, bị cáo Bùi Xuân Đ (Bùi Xuân Đ1) đã nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 0002054 ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Biên lai thu số 0002133 ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam CA tỉnh T;
- Bị cáo Đ (qua trại);
- Bị cáo H (theo đ/c);
- Lưu: VT, HCTP hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng